

kg: PTMC xử lý + 07 tài' g' TPMS
14/9/2015

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3319/TCBC-BTP

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2015

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 8 năm 2015

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 8 năm 2015 như sau:

I. SỐ LƯỢNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 8 năm 2015, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 11 văn bản quy phạm pháp luật, gồm 06 Nghị định của Chính phủ và 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

Các Nghị định của Chính phủ:

1. Nghị định số 64/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2015 quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.
2. Nghị định số 65/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật.
3. Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 quy định về Nhà chức trách hàng không.
4. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
5. Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.
6. Nghị định số 69/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

1. Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế.

2. Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

4. Quyết định số 34/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2015 ban hành Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ.

5. Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 64/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

a) Hiệu lực thi hành: 15/10/2015.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những vấn đề còn tồn tại trong quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm sự thống nhất trong thực hiện quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 03 chương, 16 điều, quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp và trách nhiệm thực hiện của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

Nghị định áp dụng với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nghị định quy định cụ thể về nguyên tắc phối hợp, hình thức phối hợp, nội dung và trách nhiệm phối hợp trong: xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức thực hiện pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú

của người nước ngoài tại Việt Nam; việc cấp giấy tờ cho người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú; công tác kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài; công tác quản lý cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; xử lý vi phạm pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; việc ban hành và sử dụng các mẫu giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; việc thống kê nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; phổ biến, giáo dục pháp luật về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và các điều khoản thi hành.

2. Nghị định số 65/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến hành vi đăng, phát, cung cấp, đưa tin, công bố thông tin sai sự thật.

a) Hiệu lực thi hành: 01/10/2015.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những bất cập phát sinh trong việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực báo chí, bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong quá trình thực thi pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 09 điều, trong đó:

- Bổ sung Khoản 6 vào Điều 2 Nghị định số 79/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê.

- Bổ sung Khoản 3 vào Điều 1 Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

- Bổ sung Khoản 4 vào Điều 2 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

- Bổ sung Khoản 3 vào Điều 2 Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

- Bổ sung Khoản 3 vào Điều 2 Nghị định số 148/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị định số 173/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ.

- Bổ sung Khoản 3 vào Điều 2 Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

3. Nghị định số 66/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không.

a) Hiệu lực thi hành: 01/10/2015.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm quy định chi tiết các nội dung của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam về nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ trong việc khẳng định địa vị pháp lý và nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không, phù hợp với thông lệ quốc tế và đặc thù trong hoạt động quản lý nhà nước của ngành hàng không cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn của nhà chức trách hàng không.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 04 chương, 17 điều, quy định về cơ quan thực hiện chức năng Nhà chức trách hàng không; nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện bảo đảm hoạt động của Nhà chức trách hàng không.

Nghị định áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam.

Nghị định quy định Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Giao thông vận tải là Nhà chức trách hàng không, trực tiếp thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà chức trách hàng không theo quy định của pháp luật và Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Nghị định quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của nhà chức trách hàng không và các điều khoản thi hành.

4. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

a) Hiệu lực thi hành: 01/10/2015.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành để cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã để bảo đảm hiệu lực thi hành và sự phù hợp với các quy định của các văn bản pháp luật mới, bảo đảm cơ sở pháp lý

và chế tài xử phạt khi có hành vi vi phạm xảy ra và bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 02 điều, sửa đổi, bổ sung Điểm a, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 2; Sửa đổi Khoản 2 Điều 4; Sửa đổi, bổ sung Điều 11; Sửa đổi, bổ sung Điều 12; Bãi bỏ Điểm b Khoản 1, Điểm h Khoản 2 Điều 13; Sửa đổi tên Điều 13, Điểm a, Điểm b, Điểm đ, Điểm 1 Khoản 2 Điều 13; Bổ sung Điểm k Khoản 2, Khoản 3 Điều 13; Sửa đổi Điểm a, Điểm đ Khoản 1 Điều 14; Bổ sung Điểm e Khoản 1 Điều 14; Sửa đổi Điểm a, Điểm b, Điểm d, Điểm đ Khoản 2 Điều 14; Bổ sung Điểm e, Điểm g, Điểm h Khoản 2 Điều 14; Sửa đổi Điểm a, Điểm b, Điểm d, Điểm e Khoản 3 Điều 14; Bổ sung Điểm h, Điểm i, Điểm k, Điểm 1 Khoản 3 Điều 14; Sửa đổi Điểm b Khoản 5 Điều 14; Sửa đổi, bổ sung Điểm a, Điểm b Khoản 7 Điều 14; Sửa đổi Điểm b Khoản 8 Điều 14; Sửa đổi Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 15; Bổ sung Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g Khoản 2 Điều 15; Sửa đổi Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 15; Bãi bỏ Điểm b Khoản 4 Điều 15; Sửa đổi Điểm c, Điểm d, Điểm đ Khoản 4 Điều 15; Bổ sung Điểm e, Điểm g, Điểm h, Điểm i Khoản 4 Điều 15; Sửa đổi Khoản 5 Điều 15; Sửa đổi Khoản 6 Điều 15; Sửa đổi Điểm b Khoản 7 Điều 15; Bổ sung Điều 15a; Sửa đổi Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 24; Bổ sung Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 2 Điều 24; Bổ sung Điểm c, Điểm d, Điểm đ, Điểm e, Điểm g, Điểm h, Điểm i, Điểm k, Điểm 1 Khoản 3 Điều 24; Bổ sung Khoản 3a Điều 24; Sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 24; Bổ sung Điểm c, Điểm d, Điểm đ Khoản 2, Điểm đ Khoản 4 Điều 29; Bổ sung Điểm d Khoản 2 Điều 30; Thay thế Điều 41; Sửa đổi tên Điều 48, Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 1, Điểm a Khoản 2 và bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 48; Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 52; Sửa đổi Điều 53; Sửa đổi Điều 54; Bổ sung Điều 54a; Sửa đổi Điều 55; Sửa đổi Điều 57; Sửa đổi Điều 58; Sửa đổi, bổ sung Điều 59; Sửa đổi Điều 60; Sửa đổi tên Điều và Điều 61; Bãi bỏ Điều 62; Sửa đổi Điều 63; Sửa đổi Điều 64; Bổ sung Điều 64a, Điều 64b và Điều 64c; Sửa đổi các Điểm b, Điểm c, Điểm d, Điểm e, Điểm g, Điểm k Khoản 2 Điều 65; Bổ sung Điểm n, Điểm o Khoản 2 Điều 65; Sửa đổi Điểm b, Điểm d Khoản 3 Điều 66; Sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 67; Bổ sung Khoản 1a, Khoản 1b Điều 67; Sửa đổi Điểm b, Điểm d Khoản 2, Điểm b, Điểm d Khoản 3 Điều 67; Bổ sung Khoản 3a, Khoản 3b Điều 67; Sửa đổi Điểm b, Điểm d Khoản 4 Điều 67; Bãi bỏ Khoản 3 Điều 68; Sửa đổi Điều 70; Sửa đổi Điều 71; Sửa đổi Khoản 1 Điều 72; Sửa đổi Điểm a, Điểm b, bổ sung Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều 72; Bãi bỏ Điểm c Khoản 3 Điều 72; Sửa đổi Khoản 5 Điều 72 của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay.

a) Hiệu lực thi hành: 15/10/2015.

Nghị định này thay thế Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng

và Nghị định số 50/2012/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 70/2007/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2007 về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm bổ sung các quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội mới phát sinh theo Công ước và Nghị định thư Cape Town 2001; bảo đảm sự thống nhất, rõ ràng của hệ thống pháp luật về đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay dân dụng.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 06 chương, 30 điều (ban hành kèm theo 01 phụ lục), quy định về việc đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam, bao gồm: đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay; đăng ký và xóa đăng ký các quyền đối với tàu bay; cấp mã số để đăng ký, xóa đăng ký các quyền lợi quốc tế đối với tàu bay mang quốc tịch Việt Nam; đăng ký, xóa đăng ký văn bản chỉ định người có quyền yêu cầu xóa đăng ký hoặc xuất khẩu tàu bay.

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đăng ký quốc tịch, đăng ký các quyền đối với tàu bay tại Việt Nam.

Nghị định quy định cụ thể về đăng ký, xóa đăng ký quốc tịch tàu bay; xuất khẩu tàu bay; đăng ký các quyền đối với tàu bay, xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay, quyền chiếm hữu tàu bay; thủ tục cấp mã số AEP và thủ tục đăng ký, xóa đăng ký văn bản IDERA; quy định về sổ đăng bạ tàu bay Việt Nam và các điều khoản thi hành.

6. Nghị định số 69/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

a) Hiệu lực thi hành: 10/10/2015.

Bãi bỏ Điểm o Khoản 1 Điều 1; Khoản 3 Điều 2; Khoản 2, 3, 8, 15, 16 và 17 Điều 14; Khoản 3, 4, 5 Mục A, Khoản 5, 9 và 10 Mục B Phụ lục I; Khoản 22, 23, 24 Mục I; Khoản 1, 3 và 7 Mục II; Khoản 13, 14 và 16 Mục III Phụ lục II của Nghị định số 175/2013/NĐ-CP.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Nghị định được ban hành nhằm khắc phục những bất cập tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 của Chính phủ; phù hợp với những quy định tại Luật Đường sắt và Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định 198/QĐ-TTg ngày 21/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 03 điều, sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 1; Khoản 2 Điều 4; Điều 14; Khoản 4 Điều 14; bổ sung khoản 4a vào Điều 18; Khoản 6 Điều 24; Điều 29 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của

Tổng công ty Đường sắt Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 175/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ.

7. Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về định mức hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng, hàng mẫu được miễn thuế, xét miễn thuế, không chịu thuế.

a) Hiệu lực thi hành: 01/10/2015.

Bãi bỏ Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất để thực hiện pháp luật về thuế, chính sách quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hành lý, tài sản di chuyển, quà biếu tặng, hàng mẫu; phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; đảm bảo nội luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia; có cơ chế ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch, thu hút nguồn nhân lực là Việt kiều đóng góp cho quá trình phát triển kinh tế của Việt Nam.

c) Nội dung chủ yếu: Nghị định gồm 03 chương, 10 điều, quy định về định mức hành lý của người nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế Việt Nam bằng hộ chiếu, giấy tờ có giá trị xuất cảnh, nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc hộ chiếu, giấy tờ đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; định mức hàng hóa là tài sản di chuyển nhập khẩu; định mức quà biếu, quà tặng, hàng mẫu của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam và ngược lại.

Đối tượng áp dụng của Quyết định gồm: (1) Đối với hành lý miễn thuế: Người nhập cảnh; (2) Đối với tài sản di chuyển: Người nước ngoài đến công tác, làm việc tại Việt Nam; Tổ chức, công dân Việt Nam kết thúc kinh doanh, làm việc ở nước ngoài về nước; Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là trí thức, chuyên gia, công nhân lành nghề về nước làm việc trong thời gian từ một năm trở lên theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam; (3) Đối với quà biếu, quà tặng, hàng mẫu: Tổ chức, công dân Việt Nam (không bao gồm người Việt Nam cư trú tại nước ngoài); (4) Cơ quan Hải quan, công chức hải quan và cơ quan khác của Nhà nước có chức năng, nhiệm vụ quản lý đối với hành lý, hàng hóa là tài sản di chuyển, hàng quà biếu, quà tặng, hàng mẫu.

Quyết định quy định cụ thể: định mức hành lý của người nhập cảnh; định mức hàng hóa là tài sản di chuyển miễn thuế; định mức quà biếu, quà tặng miễn thuế; định mức hàng mẫu của tổ chức, cá nhân; hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vượt định mức hành lý, định mức tài sản di chuyển, định mức quà biếu, quà tặng, định mức hàng mẫu và các điều khoản tổ chức thực hiện.

8. Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng

xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

a) Hiệu lực thi hành: 21/9/2015.

Quyết định này thay thế Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, công ty nhà nước và Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 59/2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành để tại cơ sở pháp lý phù hợp với tình hình mới; phù hợp với cơ chế tự chủ về kinh phí hoạt động tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và góp phần thực hiện thành công Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 06 chương, 22 điều, quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô; chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Xe ô tô thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định bao gồm xe từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách, nguồn vốn của công ty nhà nước (kể cả viện trợ, quà biếu, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật...).

Quyết định quy định cụ thể nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác; tiêu chuẩn, định mức, chế độ trang bị, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác; chế độ quản lý, sử dụng ô tô tại các cơ quan, đơn vị, ban quản lý dự án và công ty nhà nước; trách nhiệm tổ chức thực hiện; xử lý vi phạm và điều khoản thi hành.

9. Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

a) Hiệu lực thi hành: 01/10/2015.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành nhằm thực hiện Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 281/TB-VPCP ngày 03/8/2012 của Văn phòng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2; thực hiện hỗ trợ nhà ở cho khoảng 500.000 hộ nghèo tại khu vực nông thôn nhằm tạo điều

kiện để các hộ nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, từng bước nâng cao mức sống, góp phần xoá đói, giảm nghèo bền vững.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 10 điều, quy định cụ thể về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 (chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

Theo Quyết định, hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo quy định của Quyết định này phải là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

Theo Quyết định chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 được áp dụng đối với các hộ thuộc diện đối tượng theo quy định của Quyết định này đang cư trú tại khu vực nông thôn hoặc đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum, sóc trực thuộc phường, thị trấn hoặc xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhưng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, lâm, ngư nghiệp.

Quyết định quy định cụ thể: mục tiêu và nguyên tắc thực hiện, điều kiện hỗ trợ nhà ở; xếp loại thứ tự ưu tiên hỗ trợ; nguồn vốn thực hiện, cấp bù chênh lệch lãi suất, quyết toán vốn cấp bù chênh lệch lãi suất, mức vay, phương thức cho vay, giải ngân vốn vay và thủ tục quy trình vay vốn; chi phí quản lý; thời gian và tiến độ thực hiện; tổ chức thực hiện; hiệu lực thi hành.

10. Quyết định số 34/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ.

a) Hiệu lực thi hành: 30/9/2015.

Quyết định này thay thế Quyết định số 44/2011/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại của quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với kinh nghiệm chung về quản lý nợ Chính phủ của các quốc gia trên thế giới; thu hẹp dần diện cấp bảo lãnh Chính phủ, giảm rủi ro cho ngân sách trong tương lai; phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư mới ban hành.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 04 điều, ban hành kèm theo Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ hướng dẫn thực hiện Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Theo Quyết định, các chương trình, dự án ưu tiên được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ gồm:

(1) Dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án trong lĩnh vực năng lượng, khai thác, chế biến khoáng sản hoặc sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ xuất khẩu phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đáp ứng các tiêu chí: (a) Là dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư công; và (b) Thuộc lĩnh vực, địa bàn được Nhà nước khuyến khích đầu tư theo Luật Đầu tư;

(2) Chương trình, dự án trong lĩnh vực năng lượng, khai thác và chế biến khoáng sản thuộc nhóm A theo Luật Đầu tư công: (a) Đầu tư hạ tầng điện lực, đầu tư xây dựng mới nhà máy điện, phân phối điện, truyền tải điện; (b) Đầu tư nhà máy lọc dầu;

(3) Chương trình, dự án thuộc lĩnh vực được Nhà nước khuyến khích đầu tư gồm: (a) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông (đường cao tốc) có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên; (b) Phát triển vận tải công cộng: Đầu tư mua máy bay theo chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

(4) Các dự án đặc biệt do Chính phủ quyết định.

11. Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

a) Hiệu lực thi hành: 15/10/2015.

b) Sự cần thiết, mục đích ban hành: Quyết định được ban hành nhằm bổ sung thêm các nhóm hàng hóa, dịch vụ khác vào Danh mục thiết yếu phải thực hiện thủ tục đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; bảo vệ người tiêu dùng, lành mạnh hóa quan hệ giữa người tiêu dùng và các cá nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ cũng như phát huy hơn nữa hiệu quả ngăn ngừa phát sinh tranh chấp của chế định kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

c) Nội dung chủ yếu: Quyết định gồm 05 điều, sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, cụ thể:

- Sửa đổi tên một số hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung ban hành kèm theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg:

1. Tại số thứ tự 2: Sửa “Cung cấp nước sạch sinh hoạt” thành “Cung cấp nước sinh hoạt”.

2. Tại số thứ tự 4: Sửa “Thuê bao điện thoại cố định” thành “Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất”.

3. Tại số thứ tự 5: Sửa “Thuê bao di động trả sau” thành “Dịch vụ thông tin di động mặt đất (hình thức thanh toán: trả sau)”.

4. Tại số thứ tự 6: Sửa “Kết nối internet” thành “Dịch vụ truy nhập internet”.

- Bổ sung Danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung ban hành kèm theo Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg:

1. Bổ sung vào số thứ tự 5: Dịch vụ thông tin di động mặt đất (hình thức thanh toán: trả trước).

2. Bổ sung số thứ tự 10: Phát hành thẻ ghi nợ nội địa, mở và sử dụng dịch vụ tài khoản thanh toán (áp dụng cho khách hàng cá nhân), vay vốn cá nhân (nhằm mục đích tiêu dùng).

3. Bổ sung số thứ tự 11: Bảo hiểm nhân thọ./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Điện tử Chính phủ;
- Cục CNTT Bộ Tư pháp;
- Báo Pháp luật Việt Nam;
- Vụ PBGDPL;
- Lưu: VT, VP.



Trần Tiên Dũng

